

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở và tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành, phát triển và là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Hiện nay nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, điều này mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế trong nước phát triển, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không chỉ giới hạn trong nước mà còn tăng cường mở rộng với nhiều nước trên thế giới. Do đó quy mô và kết cấu vốn bằng tiền rất phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán là công cụ điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán chia làm nhiều khâu, nhiều phần hành những giữa chúng có mối quan hệ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng mỗi quá trình: vốn và nguồn, tăng và giảm... Do đó việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu chi của chúng trong quá trình kinh doanh để các nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết, đưa ra những quyết định đúng đắn nhất để đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào.

Là một sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân, được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương và của Quý công ty, em đã quan tâm và tìm hiểu về hoạt động cũng như công tác kế toán tại đây. Và em chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nội dung khóa luận ngoài lời Mở đầu và Kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ
TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về vốn bằng tiền:

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại vốn bằng tiền:

Khái niệm, ý nghĩa vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ, bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa để sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động. Mặt khác, vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển vốn bằng tiền rất dễ bị tham ô, lợi dụng, mất mát. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ và khoa học.

Phân loại vốn bằng tiền:

* Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng là phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng : đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), yên Nhật(JPY), đô la Hồng Kông (HKD), đồng tiền chung Châu Âu (EUR)...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu

trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

** Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:*

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên là nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt. Các bước chính để quản lý nội bộ đối với vốn bằng tiền gồm:

- Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ kế toán – những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt, ban hành chế độ kiểm kê quỹ, quy định rõ ràng trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tiền tại quỹ.

- Lập bản danh sách ghi phiếu thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

- Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt cho các khoản chi tiêu vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.

- Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán phải kiểm tra số lượng và

giá trị các khoản chi, tránh việc phát hành séc có số dư.

- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.
- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.
- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.1.4. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền:

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.
- + Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112, hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

+ Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ (theo dõi ở TK 007). Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho. Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở các tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

1.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ:

Tiền mặt tại quỹ là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ, kết của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ:

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt,

ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Mỗi doanh nghiệp thường xuyên có một lượng tiền mặt nhất định nằm trong quỹ theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên của doanh

nghiệp, số tiền còn lại phải gửi vào kho bạc, ngân hàng hay công ty tài chính.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

- Cuối ngày, căn cứ vào chứng từ thu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt (thủ quỹ ghi), lập báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc gửi cho kế toán, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế đối chiếu với sổ kế toán nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.1.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng:

**** Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mẫu số 07 - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND) (Mẫu số 08a - TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý) (Mẫu số 08b - TT)

số 08b - TT)

- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 - TT)

* Sổ sách sử dụng:

- Sổ quỹ tiền mặt

- Các sổ kế toán tổng hợp (tuỳ theo hình thức kế toán)

Phiếu thu, phiếu chi được kế toán lập từ 2 đến 3 liên đặt giấy than viết một lần, sau khi ghi đầy đủ các nội dung trên phiếu và ký vào phiếu chuyển cho kế toán trưởng duyệt (và cả thủ trưởng đơn vị - đối với phiếu chi), sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ nhập xuất quỹ. Thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ, một liên giao cho người nộp tiền (hoặc người nhận tiền), một liên lưu tại nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi được thủ quỹ chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

1.2.1.3: Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

✱ Kết cấu TK 111 như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

✱ Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

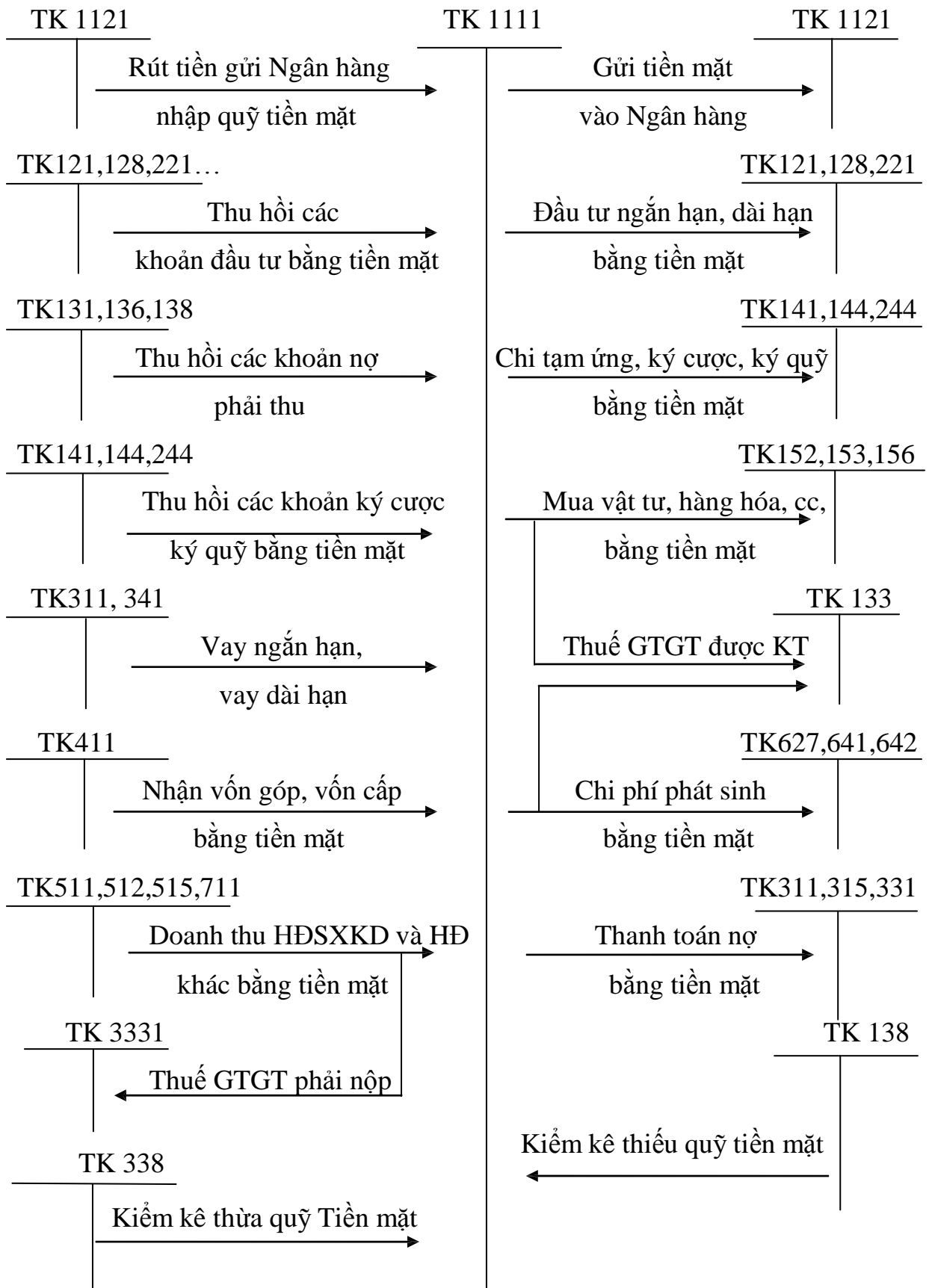
1.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt:

1.2.1.4.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam đồng.

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền VND



1.2.1.4.2: Kế toán tiền mặt tại quỹ là ngoại tệ:

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả.

** Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại*

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ.

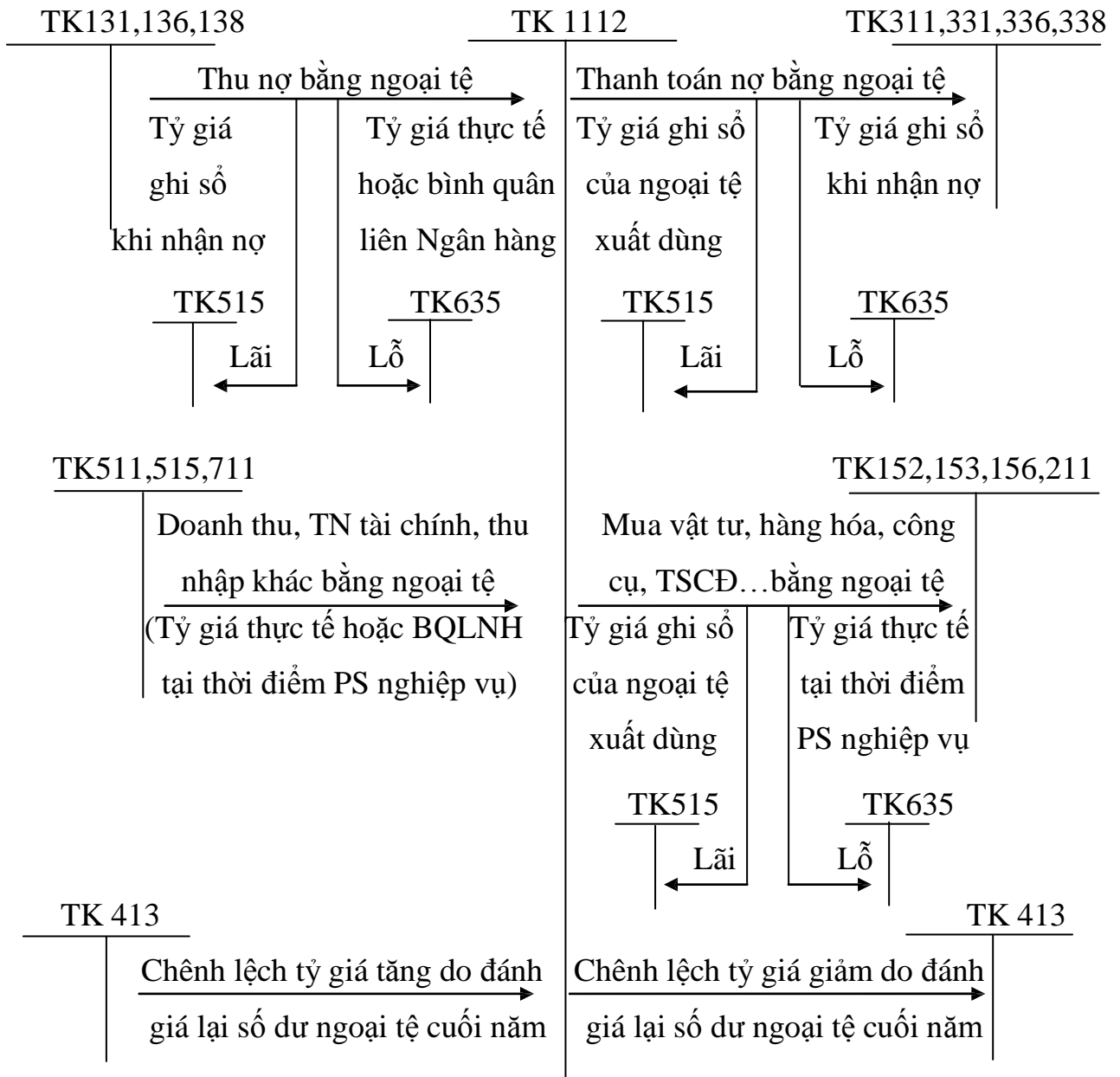
Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có.

** Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

TK007

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ | <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ |
|--|---|

1.2.1.4.3: Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý:

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh

1.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng:

Tiền gửi ngân hàng là số vốn bằng tiền của doanh nghiệp gửi tại các ngân hàng, công ty tài chính hay các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý.

1.2.2.1: Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.2.2.2: Chứng từ, sổ sách sử dụng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu...)
- Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.
- Các sổ kế toán tổng hợp (tùy theo hình thức kế toán).

1.2.2.3: Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

- ✱ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ.

- ✱ Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam
- TK 1122 - Ngoại tệ
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

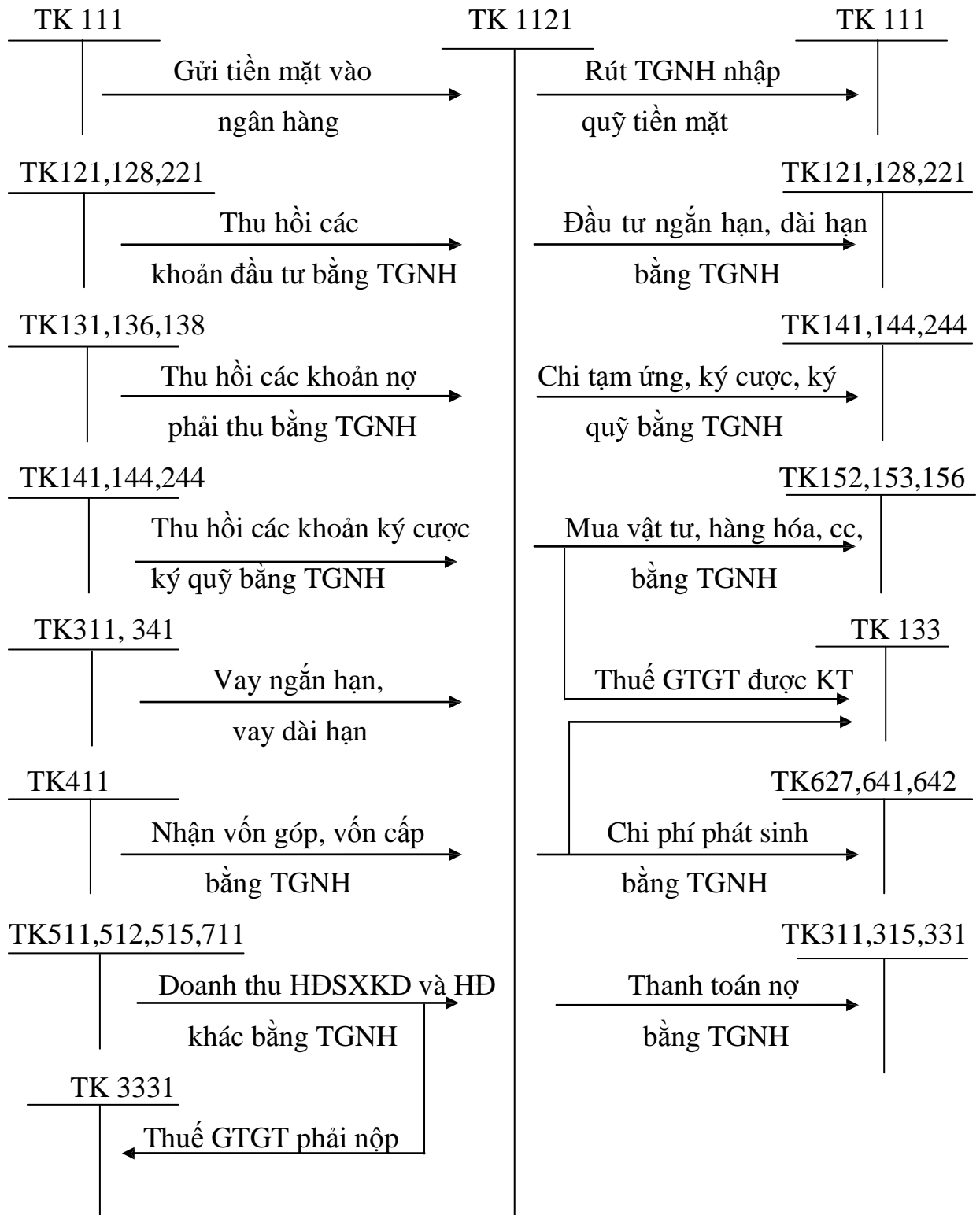
1.2.2.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng:

1.2.2.4.1: Kế toán tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng:

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND

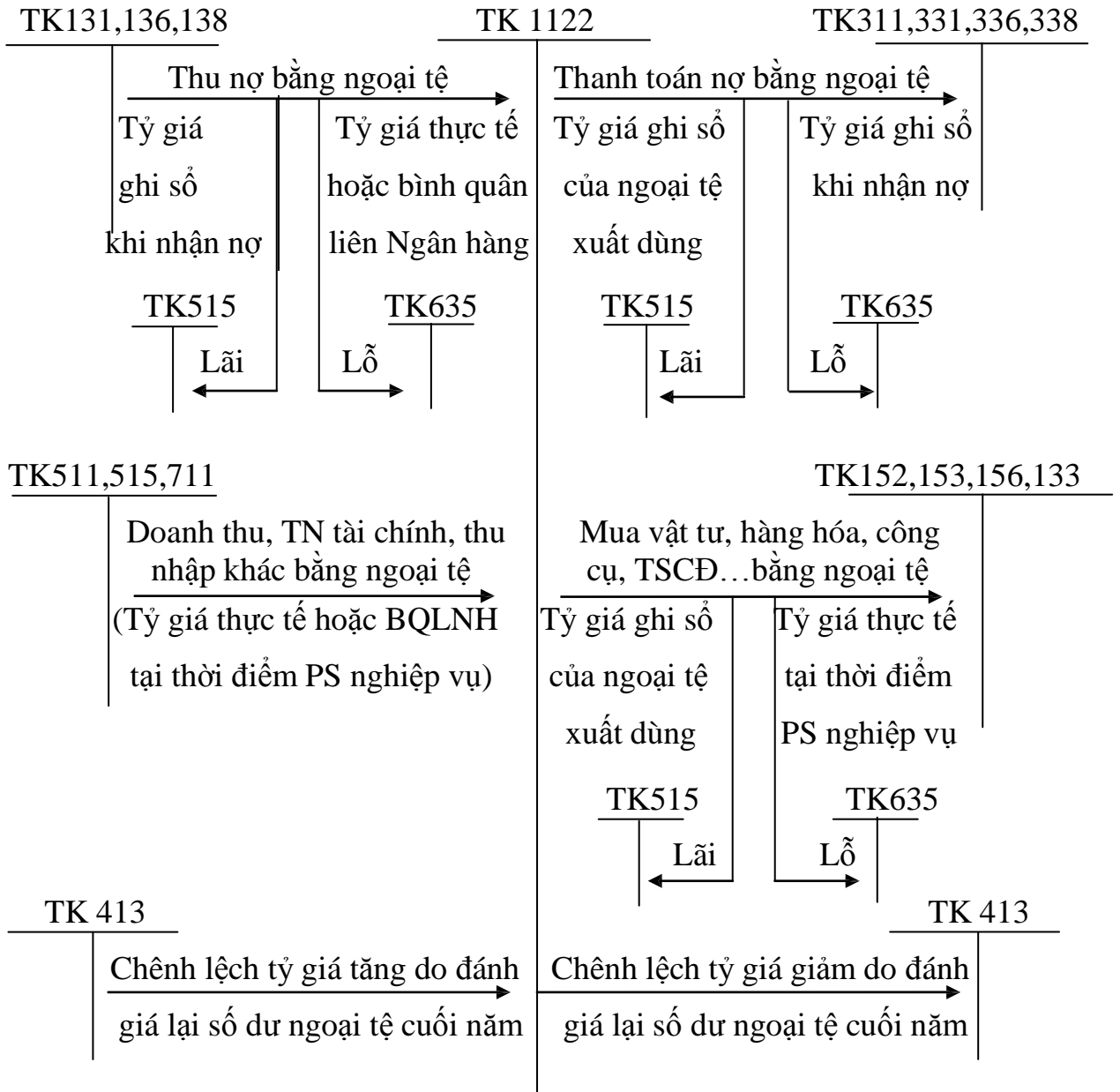


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2.4.2: Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ:

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

TK007

- Thu nợ bằng ngoại tệ	- Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ bằng ngoại tệ

1.2.3: Tiền đang chuyển:

1.2.3.1: Quy định về kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.2.3.2: Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: Séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy

nhiệm thu.

- Các sổ kế toán tổng hợp (tùy theo hình thức kế toán).

1.2.3.3: Tài khoản sử dụng:

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển”. TK 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

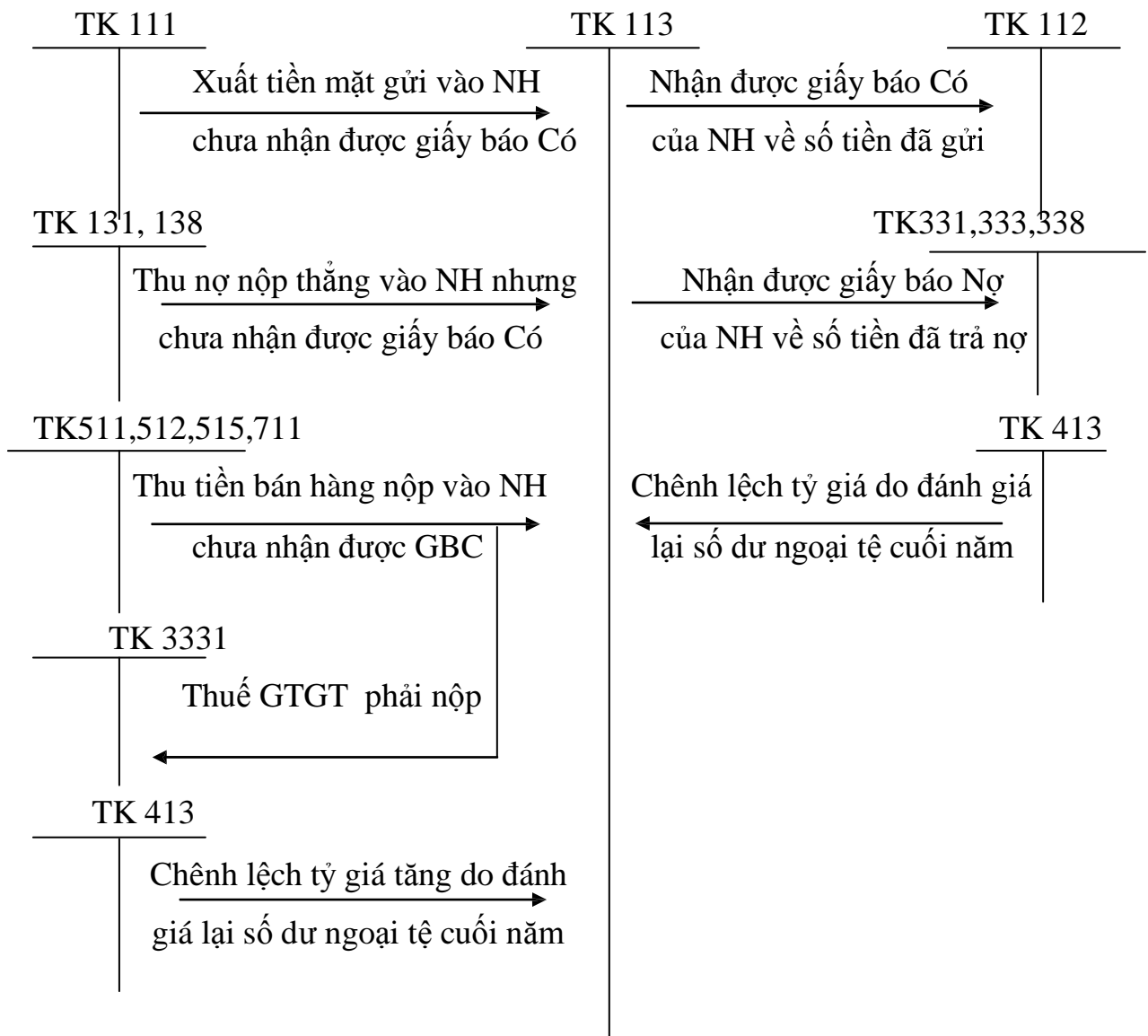
- Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.
- Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ. TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:
 - TK 1131: Tiền Việt Nam.
 - TK 1132: Ngoại tệ.

1.2.3.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển:

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển



1.3: Các hình thức kế toán:

1.3.1: Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

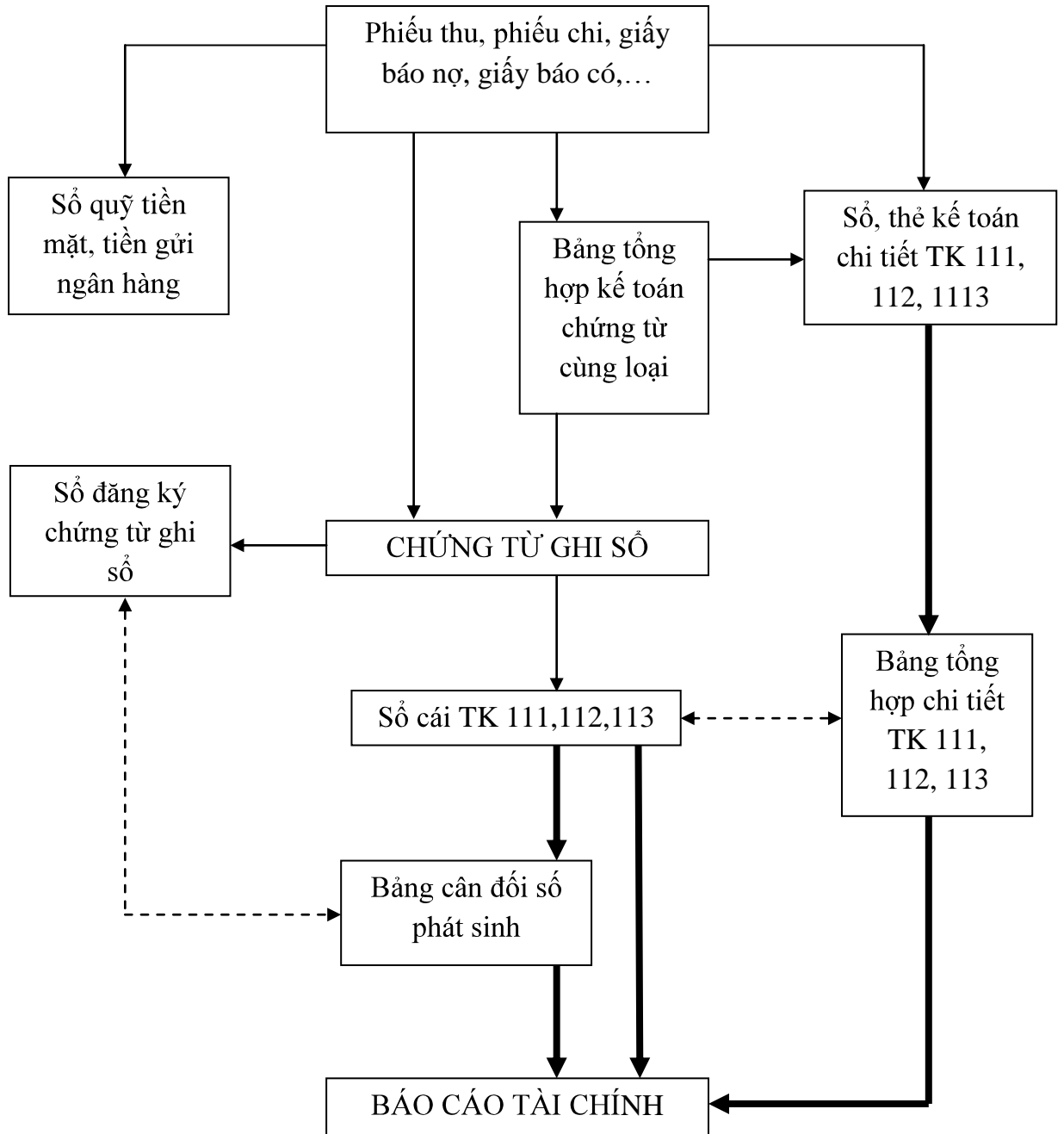
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ áp dụng kế toán máy:

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng —————→

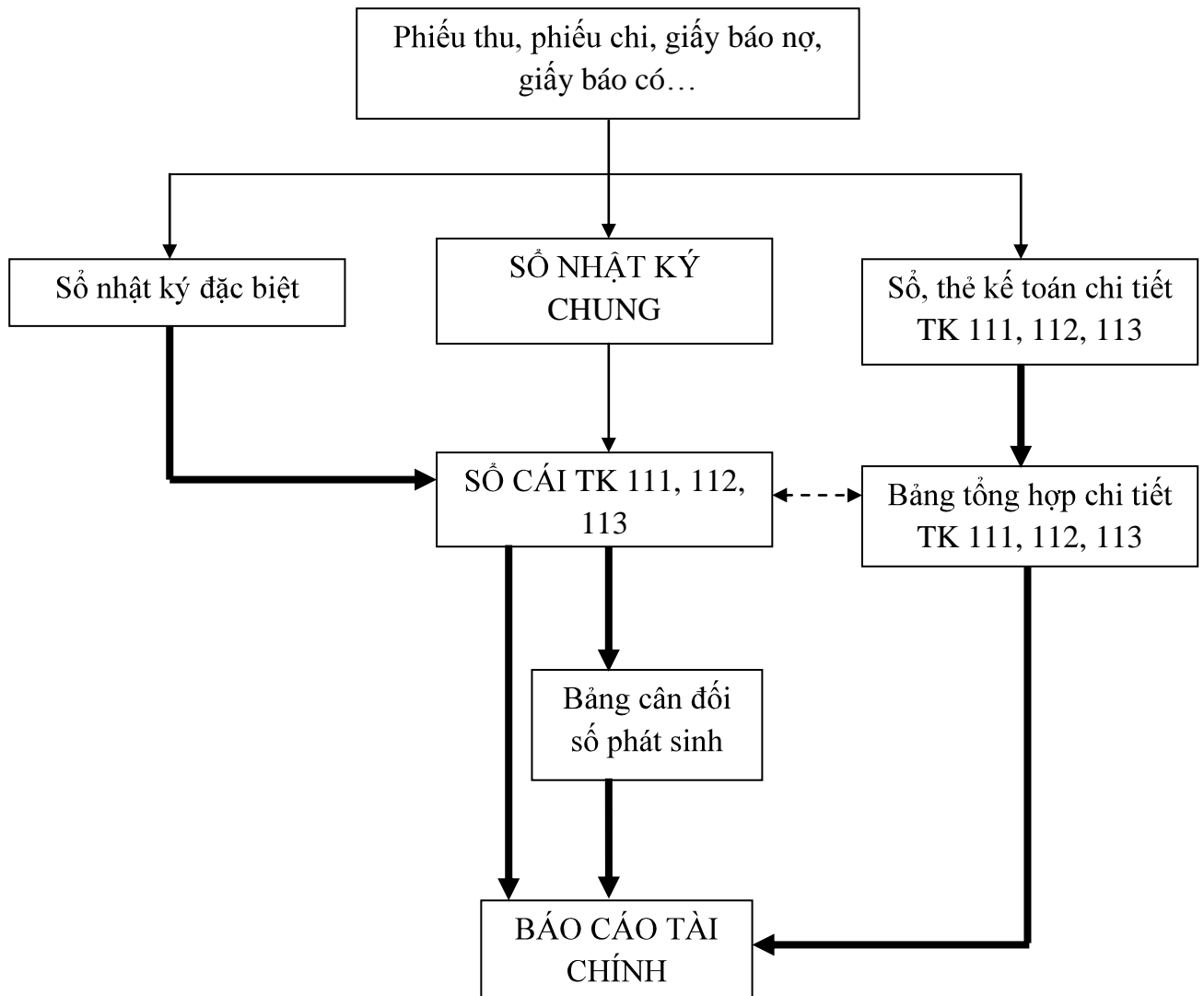
Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.3.2: Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung dễ áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

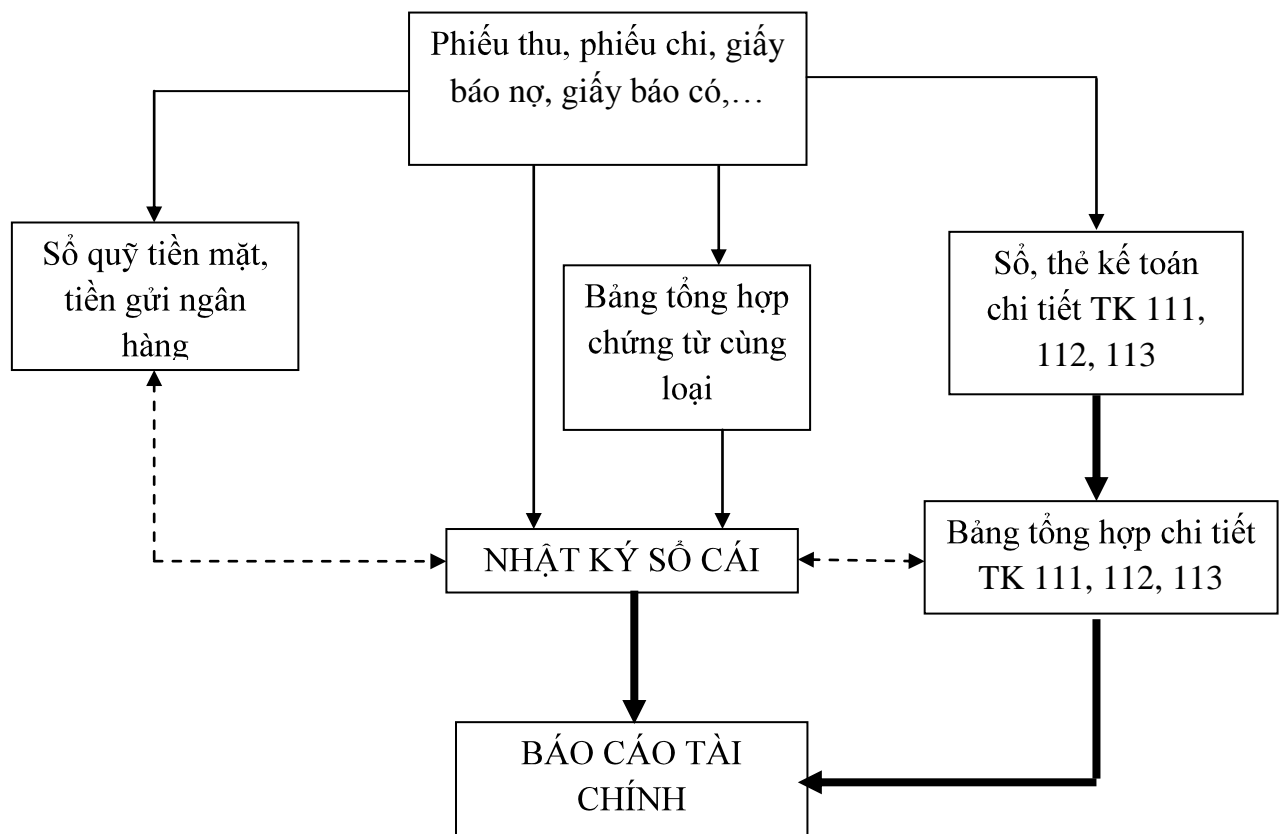
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký sổ cái thường áp dụng trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ (vốn dưới 1 tỷ) và sử dụng ít tài khoản kế toán, kế toán chủ yếu làm thủ công.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng —————>

Đối chiếu, kiểm tra ←----->

1.3.4: Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp

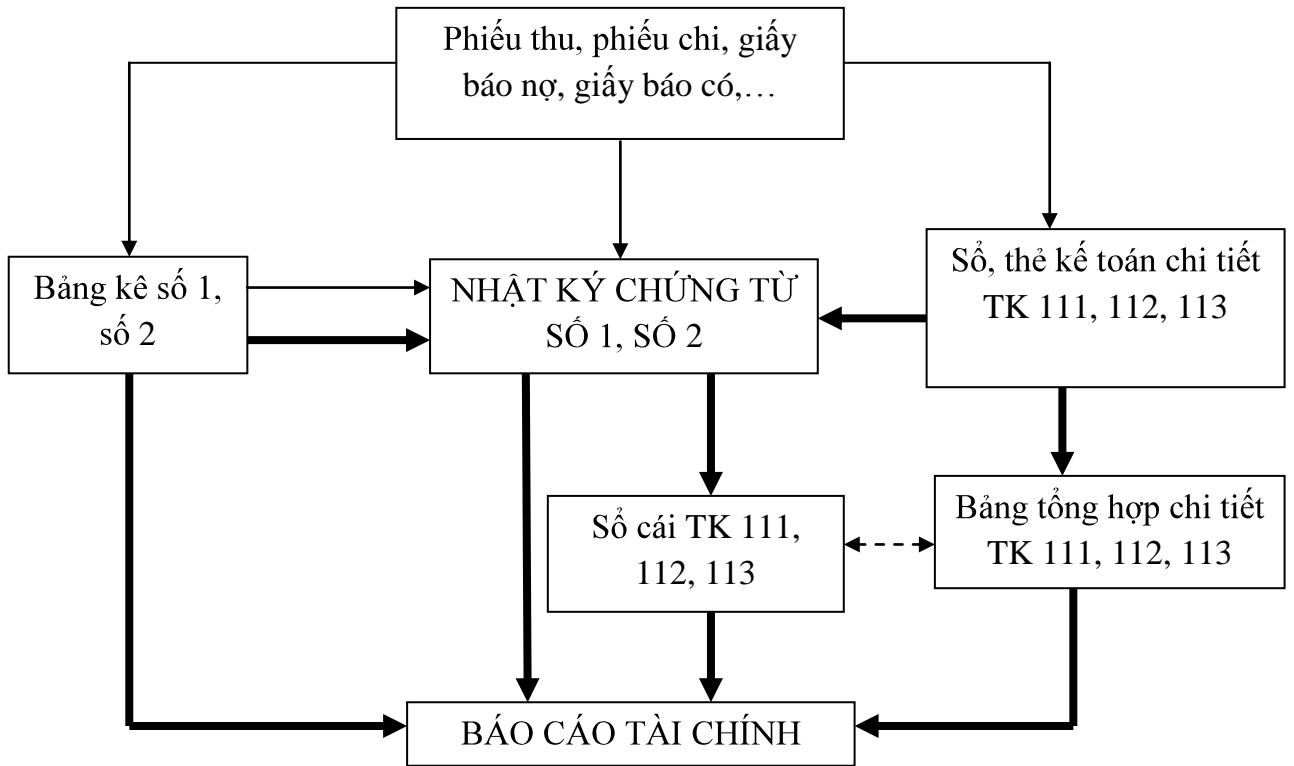
với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

- Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ có mẫu sổ rắc rối, cách thức ghi sổ phức tạp, khó để áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



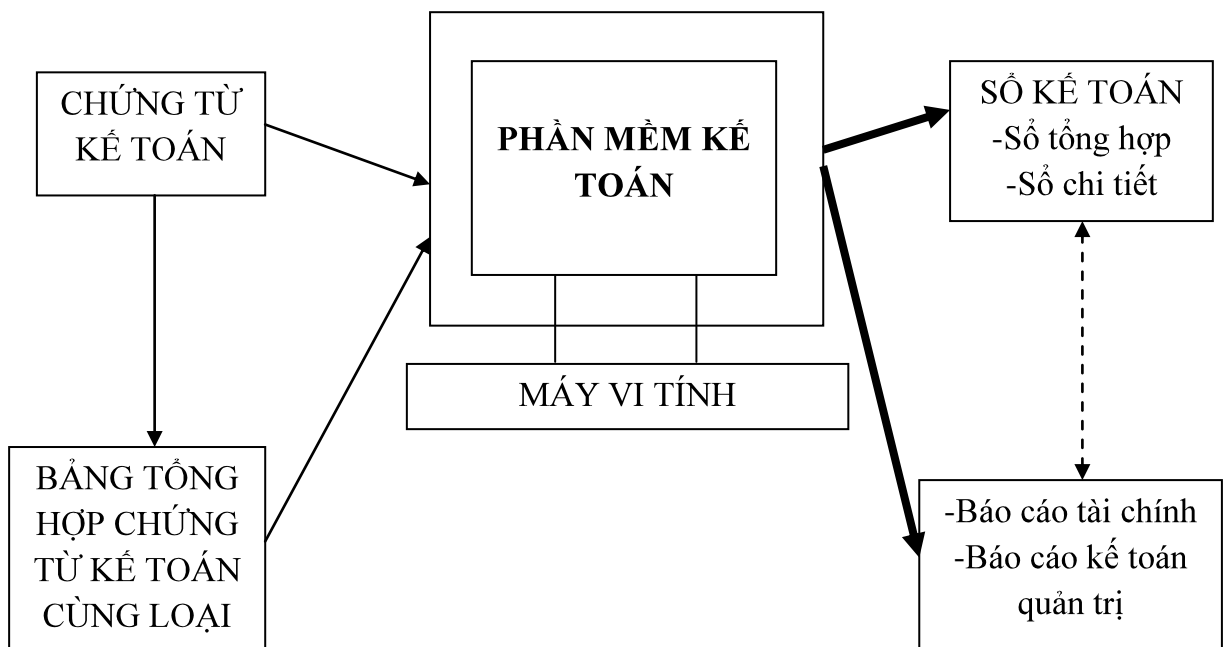
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng —————→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.3.5. Hình thức kế toán máy:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ←- - - ->

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

2.1. Khái quát chung:

2.1.1. Giới thiệu về công ty:

- * Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN.**
- * Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **VAN XUAN MARITIME JOINT STOCK COMPANY.**
- * Tên viết tắt : **VAMARCO.SJC**
- * Trụ sở chính: **Số 341Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng.**
- * Người đại diện : **Ngô Sỹ Thìn**
- * Loại hình: **Là công ty cổ phần** (tuy nhiên chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán).
- * Giấy phép kinh doanh: **Số 0203002330**
- * Vốn điều lệ : **680.000.000 VNĐ**

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân được thành lập năm 2006 theo giấy phép kinh doanh số 0203002330 cấp lần 1 vào ngày 30/05/2006, cấp lại lần 2 vào ngày 16/01/2009. Với lịch sử hơn 5 năm xây dựng và phát triển, Công ty được coi là doanh nghiệp có uy tín trong ngành hàng hải, nhất là đối với việc cung ứng thuyền viên cho 1 số hãng tàu lớn có uy tín trong nước như: Vosco, Vinalines, Vinashinline, Hoàng Sơn, Inlaco Hải Phòng, Inlaco Sài Gòn, ITC, Bình Minh....

Mặc dù chỉ có một thời gian ngắn hoạt động trong lĩnh vực này, nhưng Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân đã phát triển khởi điểm từ việc chỉ có 1 đội tàu tới nay đã lên tới trên 30 đội tàu và được các chủ tàu lớn ký hợp đồng cung ứng thuyền viên dài hạn.

Qua 5 năm hoạt động vừa qua Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, với lĩnh vực kinh doanh trên đã đem lại cho công ty nhiều lợi nhuận.

Cho tới nay, Công ty Vạn xuân đang có kế hoạch ký hợp đồng cung ứng với 1 số chủ tàu lớn của nước ngoài để đẩy mạnh việc cung ứng thuyền viên Việt Nam đi đánh thuê cho các hãng tàu lớn trên thế giới. Bên cạnh đó, năm 2012 Công ty có kế hoạch sẽ mở rộng thị trường về khai thác tàu và dịch vụ vận tải biển.

Nhưng trong giai đoạn thị trường vận tải biển hiện nay đang gặp nhiều khó khăn trong việc giá xăng dầu thay đổi, chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên việc mở rộng thị trường thuyền viên và mở rộng tuyến hoạt động dịch vụ vận tải biển của Công ty vẫn đang gặp nhiều khó khăn cần được khắc phục.

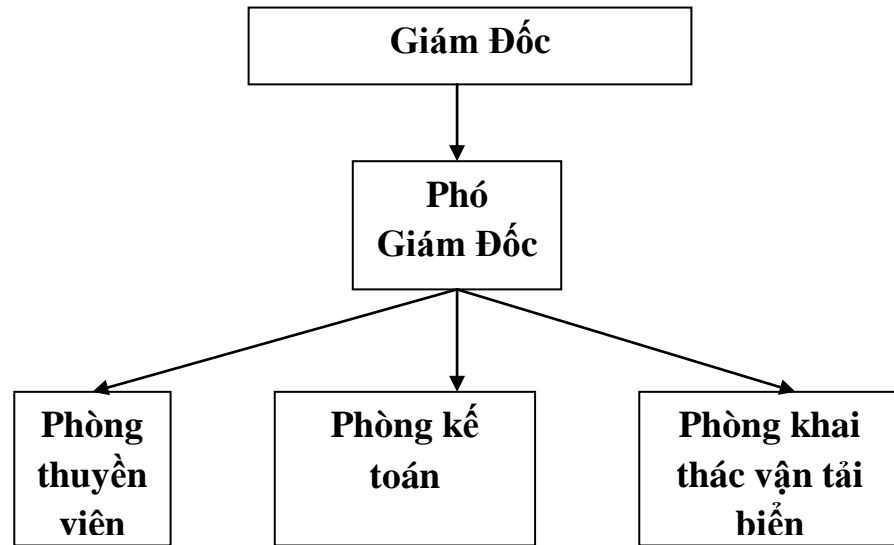
2.1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- * Cung ứng và đào tạo thuyền viên.
- * Dịch vụ hàng hải, vận tải hàng hóa đường biển.
- * Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- * Kinh doanh vật tư, thiết bị hàng hải.
- * Dịch vụ cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải.
- * Dịch vụ kiểm đếm hàng hải, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng.
- * Giám sát, đóng mới, sửa chữa tàu thủy, sửa chữa tàu biển tại cảng.
- * Dịch vụ tư vấn lao động

Với việc đăng ký kinh doanh rất nhiều ngành nghề, nhưng hiện nay Công ty mới chỉ tập trung phát triển mảng cung ứng thuyền viên cho các hãng tàu của Việt Nam.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn tài liệu: Phòng Kế Toán)

* **Giám đốc:**

- Là người đứng đầu Công ty, quản lý điều hành mọi hoạt động và là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch.
- Chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của Công ty.
- Xây dựng phương án đầu tư phát triển, phương án tổ chức kinh doanh
- Tổ chức bộ máy, quy hoạch cán bộ, đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, thuyền viên, sỹ quan...
- Duyệt kế hoạch về tuyển dụng lao động, biên chế bộ máy quản lý của các đơn vị.
- Chỉ đạo, giám sát các hoạt động kinh doanh.

* **Phó giám đốc:**

- Trợ giúp cho Giám Đốc.
- Có nhiệm vụ tổ chức điều hành kinh doanh theo tiến độ, kế hoạch đặt ra.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc trong hoạt động của Công ty, thực hiện các hợp đồng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Xây dựng các quy định, nội quy và giải quyết các hiện tượng phát sinh gây ách tắc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Có quyền đình chỉ công việc đối với những người vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy chế trong công việc.

* Phòng thuyền viên:

- Phụ trách công tác quản lý thuyền viên của Công ty: gồm tuyển dụng và đào tạo, huấn luyện, điều động và thuê thuyền viên.
- Theo dõi đánh giá chất lượng thuyền viên để giải quyết các chế độ về lương, khen thưởng, kỷ luật và các công tác khác gắn liền với thuyền viên.
- Tổ chức xây dựng quy chế quản lý nghiệp vụ thống nhất như: quy trình thuê thuyền viên, quy trình đào tạo, điều động, đánh giá chất lượng, chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ... phục vụ cho công tác quản lý thuyền viên của Công ty.
- Theo dõi đánh giá năng lực thuyền viên làm việc trên các tàu đảm bảo đáp ứng yêu cầu của bộ luật STCW 78/95.
- Tổ chức thực hiện các công việc về thuê, điều động thuyền viên và làm các thủ tục nhập, rời tàu.
- Tham gia biên soạn các tài liệu bồi dưỡng hoặc giảng dạy nghiệp vụ.
- Lên kế hoạch thay thuyền viên định kỳ, theo dõi công tác điều động thuyền viên hàng ngày.
- Kiểm tra sự đầy đủ, phù hợp của các chứng chỉ chuyên môn, bằng cấp của mỗi thuyền viên theo yêu cầu của luật pháp Hàng Hải Việt Nam và Luật Hàng Hải quốc tế.
- Tổ chức các lớp học hoặc gửi thuyền viên đi tham gia các lớp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.
- Gửi lệnh điều động tới các bên có liên quan.
- Điện báo cho tàu về việc thay đổi thuyền viên và nhắc nhở Thuyền trưởng các chuẩn bị cần thiết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Thực hiện các việc có liên quan tới gia đình thuyền viên.
- Bố trí huấn luyện, nhắc nhở thuyền viên trước khi xuống tàu làm việc.
- Lưu và quản lý hồ sơ thuyền viên.
- Theo dõi và kiểm tra làm thủ tục xin cấp hộ chiếu và các chứng chỉ liên quan cho thuyền viên.

* Phòng kế toán:

- Tham mưu cho Giám đốc về các khoản phải thu, phải trả cho các hoạt động kinh doanh của đơn vị bảo đảm đúng quy định nhà nước và phù hợp với từng loại dịch vụ.
- Tham mưu cho Giám đốc những quy định cụ thể về các nguyên tắc thanh quyết toán tài chính để hướng dẫn cho các bộ phận thực hiện và quản lý tài chính chặt chẽ, đúng quy định, đạt hiệu quả kinh tế.
- Tham mưu, tư vấn cho Giám đốc sử dụng các nguồn vốn hợp lý, tránh lãng phí, tổn thất đồng thời khai thác tạo thêm nguồn vốn để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Xây dựng biện pháp quản lý và thực hiện giám sát về mặt tài chính đối với các tài sản không cố định và tài sản cố định, đồng thời có kế hoạch chi tiết để khấu hao tài sản cố định đúng quy định.
- Hoạt động nhiệm vụ tài chính theo ngành. Định kỳ lập các báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

* Phòng khai thác vận tải:

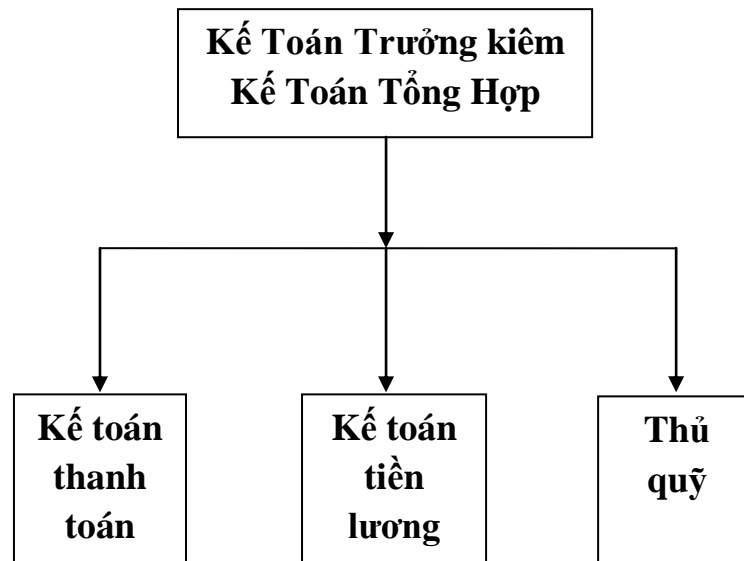
- Nghiên cứu, thu thập, tổng hợp các thông tin về chính sách và các văn bản pháp quy trong và ngoài nước để tạo dựng các mối quan hệ kinh doanh trước mắt và lâu dài gắn với chiến lược phát triển của công ty.
- Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn. Nghiên cứu nhu cầu thị trường để nắm bắt, tham mưu, định hướng cho Công ty.
- Lập và theo dõi, đôn đốc, giải quyết vướng mắc, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục thực hiện hợp đồng hàng hoá hay hợp đồng môi giới vận tải, xuất, nhập khẩu của công ty.

- Ngoài ra còn thực hiện các hợp đồng trực tiếp hoặc uỷ thác vật tư, thiết bị, hàng hoá... phục vụ cho kinh doanh theo chỉ đạo của Giám đốc.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty:

2.1.5.1. Bộ máy kế toán tại Công ty:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



(Nguồn tài liệu: Phòng Kế Toán)

➤ **Kế toán trưởng:**

- Kiểm kê toán tổng hợp. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước GD công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng Kế toán, chịu trách nhiệm trước cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

- Có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty làm bất cứ ở bộ phận nào.

- Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán thanh toán, kế toán tiền lương và thủ quỹ.

➤ **Kế toán thanh toán:**

- Là người phụ trách về mảng công nợ khách hàng và nhà cung cấp, theo dõi chủ yếu TK 131,331 và thực hiện công việc đề nghị thanh toán trong hạn thanh toán để Giám Đốc duyệt chi thanh toán.

- Theo dõi và thực hiện các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

➤ **Kế toán tiền lương :**

Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương và thanh toán số lương phải trả cho từng người trên cơ sở tiền lương thực tế và các khoản trích theo lương.

➤ **Thủ quỹ:**

- Chịu trách nhiệm về tình hình thu chi và quản lý tiền mặt.
- Căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ.
- Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.

Với cơ cấu bộ máy kế toán của công ty như trên, mỗi nhân viên có chức năng nhiệm vụ riêng và có quan hệ chặt chẽ với nhau để hoàn thành tốt công việc chung của phòng.

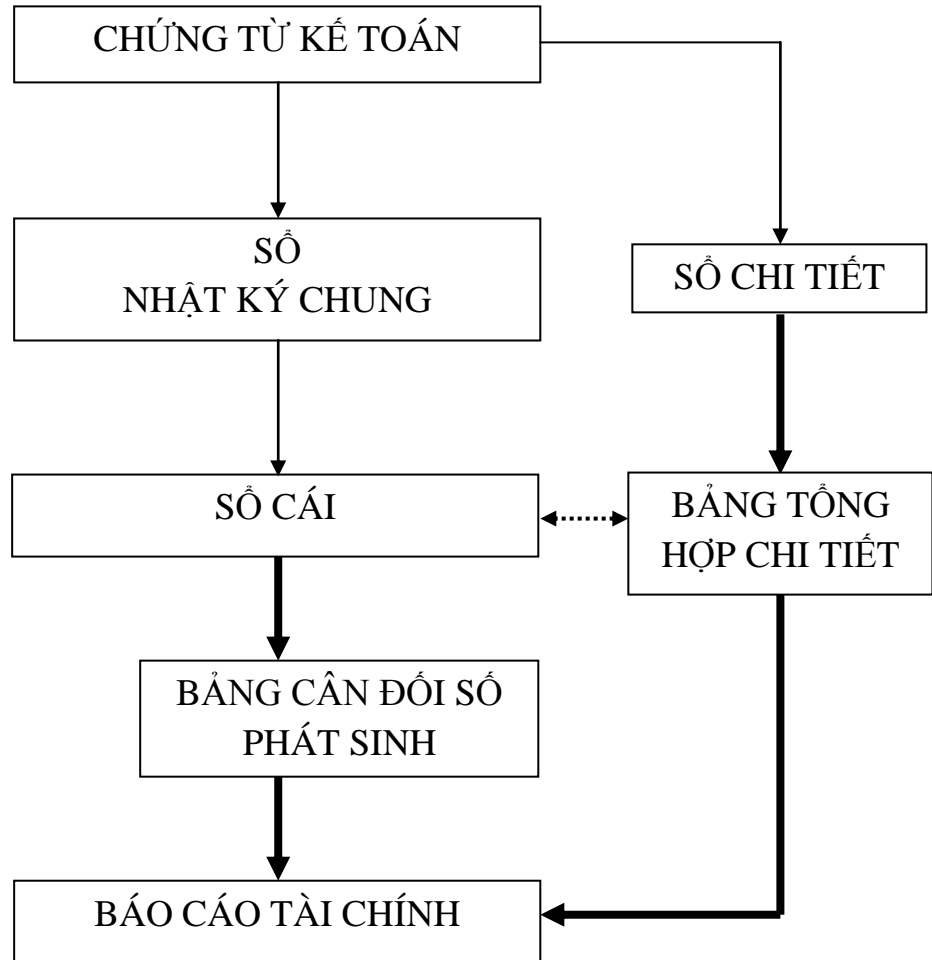
2.1.5.2. Chế độ, chính sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.




- Niên độ kế toán của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ.
- Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty là hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: 
- Ghi cuối tháng, cuối năm: 
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian, sau đó căn cứ vào các số liệu trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời từ các chứng từ đó, kế toán ghi vào sổ chi tiết. Cuối năm từ sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết, cộng số liệu trên Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, rồi căn cứ vào số liệu Bảng cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Các chứng từ khác có liên quan

Quy trình lập và luân chuyển phiếu thu, phiếu chi:

Công ty sử dụng quyền phiếu thu, phiếu chi, có đánh số từng quyển, các phiếu thu, phiếu chi trong quyển đều được đánh số liên tục. Khi phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, Kế toán lập phiếu thu, phiếu chi.

Phiếu thu được lập làm 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần), sau đó chuyển cho kế toán trưởng để soát xét và giám đốc ký duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi đã nhận đủ số tiền, Thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Đối với phiếu chi, Kế toán cũng lập làm 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (ký trực tiếp theo từng liên) của người lập phiếu, Kế toán trưởng, Giám đốc, Thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải trực tiếp ghi rõ số tiền đã nhận bằng chữ, ký tên và ghi rõ họ tên vào phiếu chi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong 3 liên của phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền (hoặc nhận tiền), 1 liên được lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc được chuyển cho Kế toán để ghi sổ kế toán. Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài đều được đóng dấu.

✱ Tài khoản sử dụng:

TK 111 – Tiền mặt.

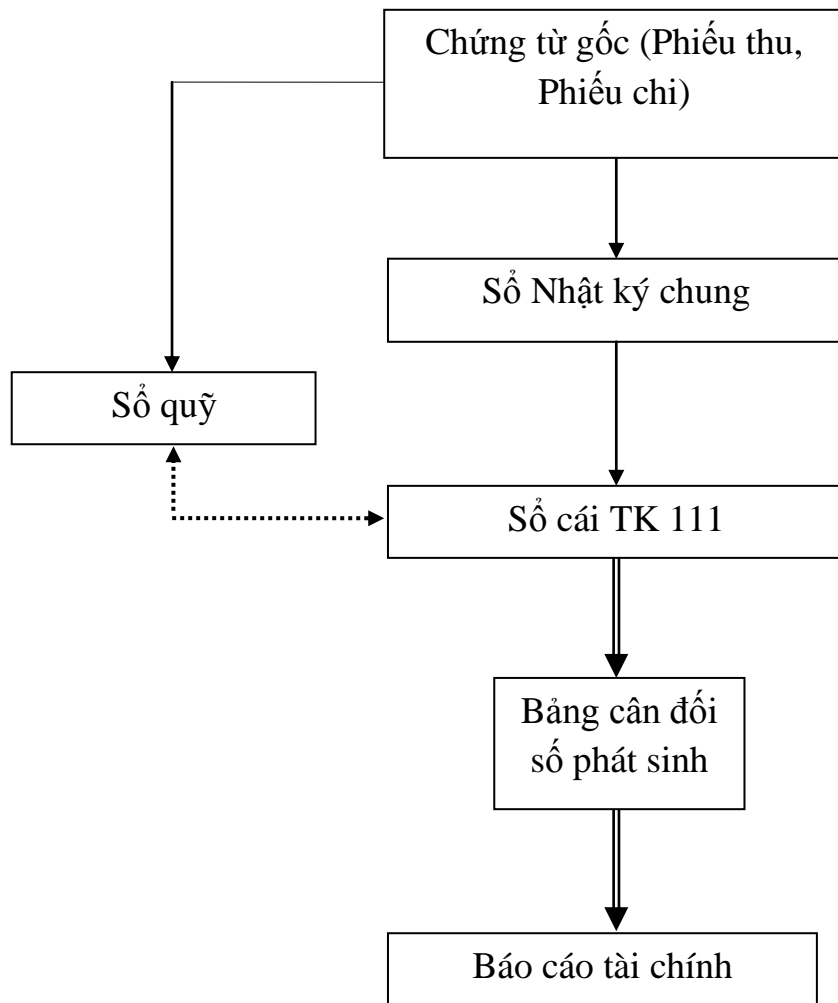
TK 1111 – Tiền Việt Nam

✱ Sổ sách sử dụng:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 111.

✱ Quy trình hạch toán tiền mặt:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối tháng, cuối năm: ══════=>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ◀.....▶

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán căn cứ vào Phiếu chi, Phiếu thu ghi vào Sổ quỹ tiền mặt, Sổ Nhật ký chung. Tiếp đó từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ Cái TK 111. Sau khi đối chiếu số liệu giữa Sổ quỹ tiền mặt và Sổ Cái TK 111 đảm bảo khớp đúng, căn cứ vào Sổ Cái TK 111 kế toán ghi vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

✱ Ví dụ minh họa:

Một số nghiệp vụ làm giảm tiền mặt của Công ty trong tháng 5 năm 2011:

➤ Ngày 15/05/2012 : *Tạm ứng tiền đi công tác cho ông Nguyễn Minh Tuấn số tiền : 1.000.000 đ.*

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 141 : 1.000.000

Có TK 1111 : 1.000.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số: 03-TT

Đơn vị: **CTY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN**
Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 15 tháng 5 năm 2011

Kính gửi:.....*Giám đốc Công ty CP Hàng Hải Vạn Xuân*.....

Tên tôi là:.....*Nguyễn Minh Tuấn*.....

Địa chỉ:*Phòng Kế Toán*

Đề nghị cho tạm ứng số tiền:....*1.000.000 đ*... (*Viết bằng chữ*) *Một triệu đồng chẵn*./

Lý do tạm ứng:.....*Đi công tác*.....

Thời hạn thanh toán:.....*Hết 31/12/2011*

Giám đốc
(*Đã ký, đóng dấu*)

Kế toán trưởng
(*Ký, họ tên*)

Người đề nghị tạm ứng
(*Ký, họ tên*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 02-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 03

Số: 17

Nợ: 141

Có: 1111

Họ tên người nhận tiền:.....Nguyễn Minh Tuấn.....

Địa chỉ:... Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân.....

Lý do chi:... Tạm ứng tiền đi công tác.....

Số tiền:1,000,000....(Viết bằng chữ): Một triệu đồng chẵn./.....

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc:.....

Ngày 15 tháng 05 năm 2011

**Thủ trưởng
đơn vị**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Ngày 21/5/2011, Công ty nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước số tiền 4.962.436đ, trong đó thuế GTGT là 3.016.108đ và thuế thu nhập cá nhân là 1.946.328đ.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 3331 : 3.016.108

Nợ TK 3335 : 1.946.328

Có TK 1111 : 4.962.436

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 02-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 04
Số: 04

Nợ: 3331, 3335
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền:.....*Kiều Thị Vân*.....

Địa chỉ:... *Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân*.....

Lý do chi:...*Nộp tiền vào Ngân sách nhà nước*.....

Số tiền: ...*4.962.436*...(Viết bằng chữ):..*Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng*.....

Kèm theo:*01*.....*Chứng từ gốc*.....

Ngày 21 tháng 05 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng./.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 21/5/2011, Công ty thanh toán tiền cước viễn thông cho Tập đoàn viễn thông Quân đội, số tiền 1.167.980 đ, thuế GTGT 10%.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 642	:	1.061.800
Nợ TK 1331	:	106.180
Có TK 1111	:	1.167.980

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Hãy nói theo cách của bạn

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Liên 2: Giao khách hàng

Thùng số : 00967

Mẫu số: **01GTKT2/002**

Ký hiệu: **AA/11P**

Số: **1988699**

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Số 1 - Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

MST : 0100109106

Số TK : Tại ngân hàng :

Đơn vị thu : *Tập đoàn Viễn thông Quân đội*

Tên khách hàng: *Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân* MST : *0200672841*

Tên đơn vị :

Địa chỉ: *Số 341 Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng*

Số thuê bao *031 3734966* Kỳ cước : *T4/2011*

Số hợp đồng : Hình thức thanh toán: *TM*

STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1x2	4 = 1+3
<i>1</i>	<i>Cước T4/2011</i>		<i>1.061.800</i>	<i>10</i>	<i>106.180</i>	<i>1.167.980</i>
	CỘNG :					<i>1.167.980</i>
	TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN :					<i>1.167.980</i>
	SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ : <i>Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng./.</i>					

Ngày tháng..... năm 20....

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 21 tháng 05 năm 2011

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 02-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 04
Số: 05

Nợ: 642, 1331
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền:.....*Nguyễn Thị Thu*.....

Địa chỉ:... *Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân*.....

Lý do chi:...*Thanh toán cước viễn thông*.....

Số tiền: ...*1.167.980*...(Viết bằng chữ):.. *Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng./*.....

Kèm theo:*01*.....*Chứng từ gốc*.....

Ngày 21 tháng 05 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng./

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 31/5/2011, kế toán thanh toán lương cho nhân viên bằng tiền mặt, số tiền 33.743.348 đ.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 3341 : 33.743.348

Có TK 1111 : 33.743.348

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Số 341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VĂN PHÒNG

Tháng 5 năm 2011

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CƠ BẢN	LƯƠNG THỜI GIAN		LƯƠNG NGÀY LỄ		TỔNG LƯƠNG	PHỤ CẤP THUỘC QUỸ LƯƠNG	TỔNG THU NHẬP	CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ				THỰC LĨNH
				SỐ CÔNG	SỐ TIỀN	SỐ CÔNG	SỐ TIỀN				BHXH	BHYT	BHTN	CỘNG	
1	Ngô Sỹ Thìn	Giám đốc	3.960.000	23,5	3.960.000	0	0	3.960.000	1500.000	5.460.000	237.600	59.400	39.600	336.600	5.123.400
2	Nguyễn Minh Tuấn	Phó giám đốc	3.520.000	23,5	3.520.000	0	0	3.520.000	1200.000	4.720.000	211.200	52.800	35.200	299.200	4.420.800
3	Nguyễn Mạnh Cường	Thuyền viên	2.393.600	23,5	2.393.600	0	0	2.393.600	900.000	3.293.600	143.616	35.904	23.936	203.456	3.090.144
4	Ngô Thị Phương Thùy	Kế toán trưởng	2.500.000	23,5	2.500.000	0	0	2.500.000	900.000	3.400.000	150.000	37.500	25.000	212.500	3.187.500
5	Nguyễn Thị Hoa	Kế toán	1.200.000	23,5	1.200.000	0	0	1.200.000	300.000	1.500.000	72.000	18.000	12.000	102.000	1.398.000
6	Nguyễn Thị Liên	Pvụ	1.000.000	23,5	1.000.000	0	0	1.000.000	100.000	1.100.000	60.000	15.000	10.000	85.000	1.015.000
7	Ngô Ngọc Bằng Xuân	Thuyền viên	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

8	Kiều Thị Vân	Kê toán	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168
9	Nguyễn Thị Thu	Kê toán	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168
10	Lê Văn Đoàn	Nhân viên	3.400.000	23,5	3.400.000	0	0	3.400.000	0	3.400.000	204.000	51.000	34.000	289.000	3.111.000
11	Phạm Đức Chính	Nhân viên	3.000.000	23,5	3.000.000	0	0	3.000.000	0	3.000.000	180.000	45.000	30.000	255.000	2.745.000
Cộng			27.151.200		27.151.200			27.151.200	5.800.000	32.951.200	1.629.072	407.268	271.512	2.307.852	30.643.348

Tháng 5 năm 2011

NGƯỜI LẬP
(Ký, Họ tên)

KÊ TOÁN
(Ký, Họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN
341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THUYỀN VIÊN DỰ TRỮ Tháng 5 năm 2011

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG CƠ BẢN LÀM CĂN CỨ ĐÓNG BẢO HIỂM	LƯƠNG DỰ TRỮ	CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ				THỰC LĨNH
					BHXH	BHYT	BHTN	CỘNG	
1	Nguyễn Văn Trọng	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	150.000
2	Nguyễn Đức Đồng	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	150.000
3	Trịnh Văn Toán	3/E	1.966.500	250.000	117.990	29.498	19.665	167.153	250.000
4	Lã Minh Đăng	Oiler	1.057.500	150.000	63.450	15.836	10.575	89.888	150.000
5	Phạm Văn Minh	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	150.000
6	Nguyễn Văn Trì	Oiler	1.053.000	150.000	63.180	15.795	10.530	89.505	150.000
7	Nguyễn Duy Bình	1/E	1.224.000	300.000	73.440	18.360	12.240	104.040	300.000
8	Nguyễn Văn Giáp	Elect	1.057.500	150.000	63.450	15.836	10.575	89.888	150.000
9	Lê Văn Quang	3/E	1.057.500	250.000	63.450	15.836	10.575	89.888	250.000
10	Đình Văn Chương	2/O	1.165.500	250.000	69.930	17.483	11.655	99.068	250.000
11	Ngô Văn Tiến	Oiler	1.057.500	150.000	63.450	15.863	10.575	89.888	150.000
12	Vũ Văn Lai	C/E	3.572.800	500.000	214.368	53.592	35.728	303.688	500.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

13	Nguyễn Thế Thăng	2/E	2.840.500	250.000	170.430	42.608	28.405	241.443	250.000
14	Lã Xuân Thanh	2/O	981.000	250.000	58.860	14.715	9.810	83.385	250.000
CỘNG			19.976.300	3.100.000	1.198.578	299.567	199.763	1.697.986	3.100.000

NGƯỜI LẬP

(Ký,Họ tên)

KÊ TOÁN

(Ký,Họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký,Họ tên,Đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 02-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 04
Số: 09

Nợ: 3341
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền:.....*Nguyễn Thị Thu*.....

Địa chỉ:... *Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân*.....

Lý do chi:...*Thanh toán tiền lương nhân viên và thuyền viên dự trữ*.....

Số tiền: ...*33,743,348*...(Viết bằng chữ):...*Ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng./*.....

Kèm theo:*02*.....*Chứng từ gốc*.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

**Thủ trưởng
đơn vị**

*(Ký, họ tên,
đóng dấu)*

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng./

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Một số nghiệp vụ làm tăng tiền mặt của Công ty trong tháng 5 năm 2011:

➤ Ngày 24/5/2011, Ông Ngô Sỹ Thìn thanh toán tiền thừa tạm ứng, số tiền 2.500.000 đ.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1111 : 750.000

Có TK 141 : 750.000

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 01-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 03

Số: 09

Nợ: 1111

Có: 141

Họ tên người nộp tiền:.....Ngô Sỹ Thìn.....

Địa chỉ:.....Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân.....

Lý do nộp:...Thanh toán tiền thừa tạm ứng.....

Số tiền:.....750,000.....(Viết bằng chữ):...Bảy trăm năm mươi nghìn đồng
chẵn./.....

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.....

Ngày 24 tháng 05 năm 2011

**Thủ trưởng
đơn vị**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Ngày 31/5/2011, thu phí cung ứng thuyền viên của Công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh, số tiền 15.000.000 đ, thuế GTGT 10%.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1111	:	15.000.000
Có TK 5113	:	13.636.364
Có TK 33311	:	1.363.636

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Liên 3: Nội bộ)

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3/001

AA/11P

0008148

Đơn vị bán hàng:.....*Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân*.....

Địa chỉ:*341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng*.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MST:.....*0200672841*.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:.....*Công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh*.....

Địa chỉ:.....*Số 95 Hoàng Diệu – Hồng Bàng – Hải Phòng*.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:.....TM.....MST:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<i>Phí cung ứng thuyền viên</i>				<i>13.636.364</i>
	Cộng tiền hàng				<i>13.636.364</i>

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: *1.363.636*

Tổng cộng tiền thanh toán: *15.000.000*

Số viết bằng chữ:.....*Mười lăm triệu đồng chẵn*.....

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 01-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 03

Số: 15

Nợ: 1111

Có: 5113, 33311

Họ tên người nộp tiền:... *Vũ Văn Thế*.....

Địa chỉ:... *CTy CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh*.....

Lý do nộp:.....*Thu phí cung ứng thuyền viên*.....

Số tiền: ...*15,000,000*.....(Viết bằng chữ):...*Mười lăm triệu đồng chẵn*./.....

Kèm theo:*01*.....*Chứng từ gốc*.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

**Thủ trưởng
đơn vị**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười lăm triệu đồng chẵn./.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Ngày 31/05/2011, Công ty thu phí quản lý thuyền viên tàu SunRise của Công ty Cổ phần Vận tải biển và hợp tác lao động Quốc tế, số tiền 2.000.000 đ, thuế GTGT 10%.*

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1111 : 2.000.000

Có TK 5113 : 1.818.182

Có TK 33311 : 181.818

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Liên 3: Nội bộ)

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT3/001

AA/11P

0008149

Đơn vị bán hàng:.....*Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân*.....

Địa chỉ:*341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng*.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MST:.....*0200672841*.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:.....*Công ty CP VTB và hợp tác lao động Quốc tế*.....

Địa chỉ:.....*Lầu 5, tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Q4, Tp HCM*.....

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:.....TM.....MST:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<i>Phí quản lý thuyền viên tàu SunRise</i>				<i>1.818.182</i>
	Cộng tiền hàng				<i>1.818.182</i>

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: *181.818*

Tổng cộng tiền thanh toán: *2.000.000*

Số viết bằng chữ:.....*Hai triệu đồng chẵn*.....

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: 01-TT (Ban hành
theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

Quyển số: 03

Số: 16

Nợ: 1111

Có: 5113, 33311

Họ tên người nộp tiền: ...*Trần Đức Đạt*.....

Địa chỉ:*CTy CP VTB và hợp tác lao động Quốc tế*.....

Lý do nộp:*Thu phí quản lý thuyền viên*.....

Số tiền: ...*2,000,000*.....(Viết bằng chữ):...*Hai triệu đồng chẵn*./.....

Kèm theo:*01*.....*Chứng từ gốc*.....

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

**Thủ trưởng
đơn vị**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Hai triệu đồng chẵn*./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán lần lượt vào sổ Nhật ký chung, Sổ quỹ tiền mặt và Sổ cái TK 111.

Đơn vị: CTY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Địa chỉ: 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT D	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
...
15/ 05	PC17/03	15/ 05	Tạm ứng tiền đi công tác.			141 1111	1.000.000	1.000.000
...
21/ 05	PC04/04	21/ 05	Nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.			3331 3335 1111	3.016.108 1.946.328	4.962.436
21/ 05	PC05/04	21/ 05	Thanh toán cước viễn thông.			642 1331 1111	1.061.800 106.180	1.167.980
...
						

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

24/05	PT09/03	24/05	Thu tiền thừa tạm ứng			1111 141	750.000	750.000
...
31/05	PT15/03	31/05	Thu phí cung ứng thuyền viên của Cty Cp VTB Quốc tế Bình Minh			1111 5113 33311	15.000.000	13.636.364 1.363.636
31/05	PT16/03	31/05	Thu phí quản lý thuyền viên của Cty Cp VTB và hợp tác lao động Quốc tế			1111 5113 33311	2.000.000	1.818.182 181.818
31/05	PC09/04	31/05	Thanh toán lương nhân viên và thuyền viên dự trữ.			3341 1111	33.743.348	33.743.348
...
			Tổng cộng				15.354.901.570	15.354.901.570

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Địa chỉ: **341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP**

Mẫu số: **S07 - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2011

Loại quỹ: Tiền Việt Nam

Đơn vị tính: đồng

NT GS	NT CT	Số Hiệu CT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Tồn đầu kỳ			693.579.657
				Số phát sinh			
...
15/ 05	15/ 05		PC 17/03	Tạm ứng tiền đi công tác		1.000.000	518.835.019
...
21/ 05	21/ 05		PC 04/04	Nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước		4.962.436	513.872.583
21/ 05	21/ 05		PC 05/04	Thanh toán cước viễn thông.		1.167.980	512.704.603
...
24/ 05	24/ 05	PT 09/03		Thu tiền thừa tạm ứng	750.000		578.991.050
...

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

31/05	31/05	PT 15/03		Thu phí cung ứng thuyền viên của Cty Cp VTB Quốc tế Bình Minh	15.000.000		669.097.727
31/05	31/05	PT 16/03		Thu phí quản lý thuyền viên của Cty Cp VTB và hợp tác lao động Quốc tế	2.000.000		671.097.727
31/05	31/05		PC 09/04	Thanh toán lương nhân viên		33.743.348	637.354.379
...
				Cộng phát sinh	3.667.714.284	3.692.702.436	
				Số dư cuối kỳ			668.591.505

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**
Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKD U	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		693.579.657	
			SFS			
...
15/ 05	PC17/03	15/ 05	Tạm ứng tiền đi công tác.	141		1.000.000
...
21/ 05	PC04/04	21/ 05	Nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.	3331 3335		3.016.108 1.946.328
21/ 05	PC05/04	21/ 05	Thanh toán cước viễn thông.	642 1331		1.061.800 106.180
...
24/ 05	PT09/03	24/ 05	Thu tiền thừa tạm ứng	141	750.000	
...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

31/05	PT15/03	31/05	Thu phí cung ứng thuyền viên cho Cty Cp VTB Quốc tế Bình Minh	5113 33311	13.636.364 1.363.636	
31/05	PT16/03	31/05	Thu phí quản lý thuyền viên của Cty Cp VTB và hợp tác lao động Quốc tế	5113 33311	1.818.182 181.818	
31/05	PC09/04	31/05	Thanh toán lương nhân viên.	3341		33.743.348
...
			Cộng phát sinh		3.667.714.284	3.692.702.436
			Số dư cuối kỳ		668.591.505	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Á Châu.

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ Ngân hàng, đơn vị thông báo cho Ngân hàng để đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch, kế toán ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có. Số chênh lệch nếu có ghi vào bên Nợ TK 1388, hoặc ghi vào bên Có TK 3388. Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

✳ Tài khoản sử dụng:

TK 112 – Tiền gửi ngân hàng.

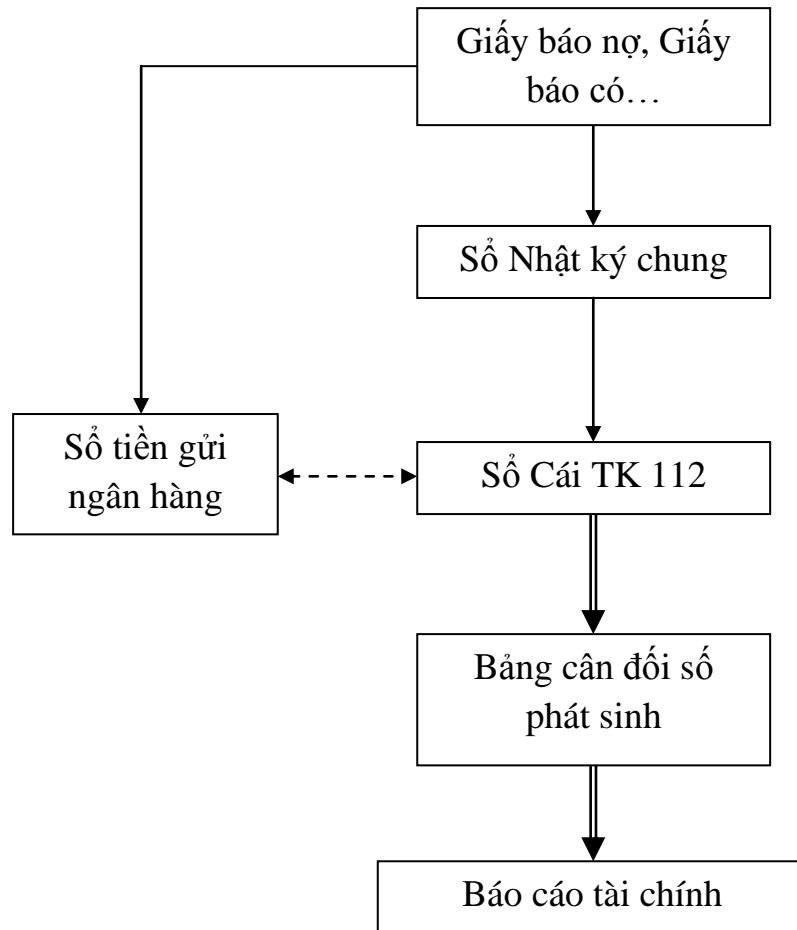
TK 1121 – Tiền Việt Nam.

✳ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 112 và các tài khoản khác có liên quan.

✳ Quy trình hạch toán tiền gửi Ngân hàng:

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán Tiền gửi Ngân hàng tại Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, cuối năm: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Căn cứ Giấy báo có, Giấy báo nợ, kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào các số liệu trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 112. Sau khi đối chiếu số liệu giữa sổ tiền gửi ngân hàng và sổ cái TK 112 đảm bảo khớp đúng, căn cứ vào sổ cái TK 112 ghi vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

* Ví dụ minh họa:

Một số nghiệp vụ làm tăng Tiền gửi Ngân hàng của Công ty trong T5/2011:

➤ Ngày 30/05/2011, Công ty Cổ phần Vận tải biển Quốc tế Bình Minh thanh toán nợ bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền: 39.000.000 đồng.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121 : 39.000.000

Có TK 131 : 39.000.000

Ngân hàng Thương mại Á Châu gửi Giấy báo Có cho công ty :

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ASIA COMMERCIAL BANK	Mã GDV: BATCH Mã KH: 10368
GIẤY BÁO CÓ <i>Ngày 30/05/2011</i>	
Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN	
Hôm nay, Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi "Có" với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi Có:	3409854.....
Số tiền bằng số:.....	39.000.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu đồng chẵn./.....	
Nội dung: Công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh thanh toán nợ.....	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Ngày 31/5/2011, Công ty nhận Giấy báo Có về lãi tiền gửi Ngân hàng, số tiền 1.675.000 đ.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1121 : 1.675.000

Có TK 515 : 1.675.000

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 10368

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/05/2011

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Hôm nay, Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi “Có” với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có:3409854

Số tiền bằng số:..... 1.675.000

Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./

Nội dung: Lãi tiền gửi ngân hàng.....

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Một số nghiệp vụ làm giảm Tiền gửi Ngân hàng của Công ty trong T5/2011:

- Ngày 21/05/2011, công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn xuân rút tiền từ tài khoản ngân hàng Thương mại Á Châu về nhập quỹ tiền mặt, số tiền: **290.000.000VNĐ.**

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1111 : 290.000.000

Có TK 1121 : 290.000.000

Khi phát sinh nghiệp vụ này, Ngân hàng Thương mại Á Châu gửi Sổ Phụ cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn xuân để thông báo số dư tài khoản tiền gửi tại thời điểm 21/05/2011.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ

Ngày 21/05/2011

Tài khoản: 3409854

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		337.470.771
Rút TGNH về quỹ tiền mặt	290.000.000	
Tổng phát sinh ngày	290.000.000	
Số dư cuối ngày		47.470.771

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngân hàng gửi kèm theo Giấy báo Nợ cho Công ty:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 10368

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 21/05/2011

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Hôm nay, Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi “Nợ” với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ:3409854.....

Số tiền bằng số:.....290.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn./

Nội dung: Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.....

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Từ các chứng từ gốc trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, ghi sổ Cái TK 112 và Sổ tiền gửi ngân hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CTY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Địa chỉ: 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT D	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
...
21/ 05	GBN 10/05	21/ 05	Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.			1111 1121	290.000.000	290.000.000
...
30/ 05	GBC 08/05	30/ 05	Cty Bình Minh thanh toán nợ bằng TGNH			1121 131	39.000.000	39.000.000
31/ 05	GBC 09/05	31/ 05	Lãi tiền gửi ngân hàng			1121 515	1.675.000	1.675.000
...
			Tổng cộng				15.354.901.570	15.354.901.570

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty CP Hàng hải Vạn Xuân
Địa chỉ : 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2011

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Thương mại Á Châu

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 3409854

Loại tiền: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu kỳ				110.170.771
			Số phát sinh trong kỳ				
...
21/ 05	GBN 11/05	21/ 05	Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.	1111		290.000.000	12.750.000
...
30/ 05	GBC 08/05	30/ 05	Cty Bình Minh thanh toán nợ bằng TGNH	131	39.000.000		49.670.568
31/ 05	GBC 09/05	31/ 05	Lãi tiền gửi ngân hàng	515	1.675.000		51.345.568
...
			Cộng số phát sinh		3.927.781.620	3.480.264.000	
			Số dư cuối kỳ				557.688.391

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: 01/01/2011

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		110.170.771	
			SFS			
...
21/ 05	GBN11/05	21/ 05	Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.	1111		290.000.000
...
30/ 05	GBC08/05	30/ 05	Cty Bình Minh thanh toán nợ.	131	39.000.000	
31/ 05	GBC09/05	31/ 05	Lãi tiền gửi ngân hàng	515	1.675.000	
...
			Cộng phát sinh		3.927.781.620	3.480.264.000
			Số dư cuối kỳ		557.688.391	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI

VẠN XUÂN

3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân:

3.1.1: Kết quả đạt được:

Trong những năm qua công ty Cổ phần Hàng hải Vạn xuân đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh. Lợi thế của công ty là lòng tin, chữ tín đối với bạn hàng. Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm. Các khách hàng đã hợp tác với Công ty đều trở thành bạn hàng truyền thống bởi họ luôn nhận được sự cung cấp dịch vụ hoàn hảo và Công ty luôn hiểu rõ bạn hàng của mình. Trong quá trình hội nhập hiện nay công ty có nhiều cơ hội để cạnh tranh và phát triển. Bên cạnh đó công ty đã nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của khách hàng nên ngày càng khẳng định được vị thế của mình và cố gắng phấn đấu vì mục tiêu cao nhất của công ty là lợi nhuận.

Mọi hoạt động của Công ty ngày càng đi vào nề nếp, có đội ngũ lãnh đạo và nhân viên tương đối dày dặn kinh nghiệm, làm việc có kỷ luật, nhiệt tình chu đáo, có sự thống nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm

trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong Công ty đã giảm thiểu được gian lận, sai sót.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Bên cạnh đó các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng tinh thần tận tâm nhiệt tình trong công việc. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, tuân thủ các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, Ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho việc ghi chép. Công ty mở đầy đủ các mẫu sổ sách theo hình thức Nhật ký chung.

Về chứng từ sử dụng: Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với các yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời, đúng chế độ.

Về tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Về phương pháp hạch toán vốn bằng tiền:

Công ty hạch toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức kế toán vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Về tài khoản sử dụng:

Công ty chưa sử dụng TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi những khoản tiền thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chưa hoàn thành.

Về việc quản lý quỹ tiền mặt:

Hiện công ty chưa thường xuyên kiểm kê quỹ tiền mặt. Dẫn đến khó quản lý thường xuyên lượng tiền tồn quỹ thực tế cũng như việc đối chiếu với sổ kế toán để xác định số thừa thiếu thực tế nhằm có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn.

Công ty chưa sử dụng sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền:

Việc công ty chưa sử dụng sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền khiến các khoản thu, chi không được liệt kê rõ ràng chi tiết, gây khó khăn cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu và lập Báo cáo tài chính.

Về vấn đề thanh toán lương:

Hiện nay Công ty vẫn sử dụng hình thức thanh toán lương bằng tiền mặt. Việc này còn tồn tại một số hạn chế sau: cuối tháng là lúc khối lượng công việc của kế toán và thủ quỹ rất lớn. Việc thanh toán lương bằng tiền mặt sẽ mất nhiều thời gian, gây thêm áp lực công việc cho họ, dễ dẫn đến sự nhầm lẫn, sai sót. Bên cạnh đó nhân viên sẽ không chủ động được và dễ gặp rủi ro khi nhận tiền như nhận phải tiền rách, tiền giả...

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán:

Trong nền kinh tế năng động và phát triển như hiện nay chưa áp dụng phần mềm kế toán là khó khăn và trở ngại lớn cho công ty. Tuy việc tiến hành tính toán trên Excel đã phần nào giảm tải được khối lượng công việc cho Kế toán

nhưng do không áp dụng phần mềm trong hạch toán kế toán nên nhà quản trị và các nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi người phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ. Công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay. Đặc biệt lên Báo cáo tài chính rất vất vả. Việc kiểm tra và soát sai sót khó khăn vì từ thông tin tổng hợp muốn biết thông tin chi tiết phải qua rất nhiều khâu (lọc chứng từ, xem báo cáo...)

3.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.

3.2.1: Nguyên tắc hoàn thiện:

Căn cứ vào vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải rập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý

- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phải chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của công ty.

3.2.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân, sau khi đã tìm hiểu về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào tìm hiểu về phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, em nhận thấy còn một số hạn chế cần được hoàn thiện để nâng cao hiệu quả công tác kế toán như sau:

Về tài khoản sử dụng:

Công ty nên sử dụng thêm TK 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi những khoản tiền thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành. Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác, không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

Kết cấu TK 113 như sau:

- Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.
- Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

TK cấp hai:

- TK 1131: Tiền Việt Nam.

Phương pháp hạch toán:

Các nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển trong kỳ:

- 1) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản ở ngân hàng chưa nhận được giấy báo có.

Nợ TK 113: tổng số tiền đang chuyển

Có TK 111

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2) Thu phí cung ứng, quản lý thuyền viên bằng tiền, bằng séc nộp thẳng vào ngân hàng nhưng cuối tháng chưa nhận được báo có

Nợ TK 113

Có TK 511: doanh thu bán hàng chưa có VAT

Có TK 3331: VAT đầu ra

3) Thu tiền nợ, tiền ứng trước của khách hàng nộp thẳng vào ngân hàng chưa nhận được báo có

Nợ TK 113

Có TK 131

4) Trích chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả nợ nhưng chưa nhận được giấy báo nợ

Nợ TK 113

Có TK 112

Các nghiệp vụ làm giảm tiền đang chuyển trong kỳ:

1) Nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền đang chuyển trong kỳ đã nhập vào tài khoản của doanh nghiệp

Nợ TK 112

Có TK 113

2) Nhận được giấy báo có của ngân hàng về số tiền đã chuyển trả nợ

Nợ TK 331, 311, 315, 341, 333...

Có TK 113

Về việc quản lý quỹ tiền mặt:

Công ty nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng. Khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê quỹ như vậy có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với số quỹ để có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ trong đó thủ quỹ và kế toán là các thành viên, phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(giờ...ngày...tháng...năm). Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ tất cả phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê quỹ.

Khi tiến hành kiểm kê, nếu có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân thừa thiếu và báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét, giải quyết.

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ theo chế độ kế toán hiện hành:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Địa chỉ: 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S08-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào.....giờ....ngày....tháng....năm.....

Số:.....

Chúng tôi gồm:

-Ông/Bà:.....đại diện kế toán.

-Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ.

-Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế:	x
1	Trong đó: -loại		
2	-loại		
3	-loại		
4	-loại.....		
5	-		
III	Chênh lệch (III = I – II)	x	

Lý do + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

Về việc mở sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền:

Công ty nên mở Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền nhằm liệt kê dễ dàng các khoản thu, chi để làm căn cứ ghi sổ, kiểm tra số liệu, hỗ trợ cho việc lập Báo cáo tài chính cũng như tạo điều kiện cho việc quản lý dễ dàng hơn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a1 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN MẶT

Loại tiền: VND

Năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK			
	SH	NT			141	5113	33311
			Số trang trước chuyển sang					
....
24/05	PT09/03	24/05	Thu tiền thừa tạm ứng	750.000	750.000			
....
31/05	PT15/03	31/05	Thu phí cung ứng thuyền viên của Cty Cp VTB Quốc tế Bình Minh	15.000.000		13.636.364	1.363.636	
31/05	PT16/03	31/05	Thu phí quản lý thuyền viên của Cty CP VTB và hợp tác lao động Quốc tế	2.000.000		1.818.182	181.818	
....
			Cộng chuyển sang trang sau					

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN MẶT Loại tiền: VNĐ Năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các TK						
	SH	NT			1331	141	3331	3335	3341	642
			Số trang trước chuyển sang								
....
15/ 05	PC 17/03	15/ 05	Tạm ứng tiền đi công tác	1.000.000		1.000.000					
....
21/ 05	PC 04/04	21/ 05	Nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước	4.962.436			3.016.108	1.946.328			
21/ 05	PC 05/04	21/ 05	Thanh toán cước viễn thông	1.167.980	106.180					1.061.800	
....
31/ 05	PC 09/04	31/ 05	Thanh toán lương nhân viên và thuyền viên dự trữ	33.743.348					33.743.348		
....
			Cộng chuyển sang trang sau								

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a1 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN GỬI NGÂN HÀNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Loại tiền: VNĐ
Năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112	Ghi Có các TK			
	SH	NT			131	515
			Số trang trước chuyển sang
30/05	GBC 08/03	30/05	Công ty Bình Minh thanh toán nợ bằng tiền gửi ngân hàng	39.000.000	39.000.000			
....
31/05	GBC 09/05	31/05	Lãi tiền gửi ngân hàng	1.675.000		1.675.000		
....
			Cộng chuyển sang trang sau

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP HÀNG HẢI VẠN XUÂN
Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a2 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU Loại tiền: VNĐ Năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112	Ghi Nợ các TK						
	SH	NT			111
			Số trang trước chuyển sang								
....
21/ 05	GBN 17/03	21/ 05	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	290.000.000	290.000.000						
....
....
			Cộng chuyển sang trang sau								

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Về việc thanh toán lương:

Công ty nên trả lương cho nhân viên bằng thẻ ATM. Hình thức thanh toán này khắc phục được những hạn chế của việc thanh toán bằng tiền mặt. Đối với công nhân viên là sẽ thuận tiện hơn trong việc lĩnh lương, tránh gặp những rủi ro khi nhận tiền, và quan trọng hơn là giảm bớt công việc cho thủ quỹ vào ngày thanh toán lương.

Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán:

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- *Tốn ít thời gian:* Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in ra.

- *Chính xác:* Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

- *Dễ sử dụng:* Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình vào nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

- *Phát triển theo Công ty:* Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của Công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể:

- *Đối với ban quản lý:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của Công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- + Có được câu trả lời nhanh nhất từ bộ phận kế toán về các câu hỏi có liên quan đến quá trình kinh doanh.
- + Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho ban lãnh đạo ít nhất 50%.
- + Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- + Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của Công ty.
- + Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động. Từ đó có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.
- Đối với bộ phận kế toán tài chính:
 - + Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
 - + Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
 - + Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban lãnh đạo.
 - + Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số: doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền tại quỹ và ngân hàng, công nợ...
 - + Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.
- *Đối với các bộ phận khác:* Quan hệ giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh công việc trùng lặp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với Công ty mình. Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay.

Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2012)

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng



Chức năng:

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm 13 phân hệ nghiệp vụ: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống

Sinh viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Lớp: QTL401K

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua Internet... MISA SME.NET 2012 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp có thể dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của Công ty để đề ra quyết định đúng đắn, kịp thời.

Đặc biệt MISA SME.NET 2012 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao.

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 2012 OPEN:

Giao diện:



Chức năng:

Với SAS-INNOVA 2012 OPEN doanh nghiệp chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SAS-INNOVA 2012 OPEN là:

- Định khoản tự động
- Quy trình hóa công tác kế toán
- Tự động tạo phiếu thu và phiếu xuất trên hóa đơn bán hàng
- Tự động tạo phiếu chi và phiếu nhập trên hóa đơn mua hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

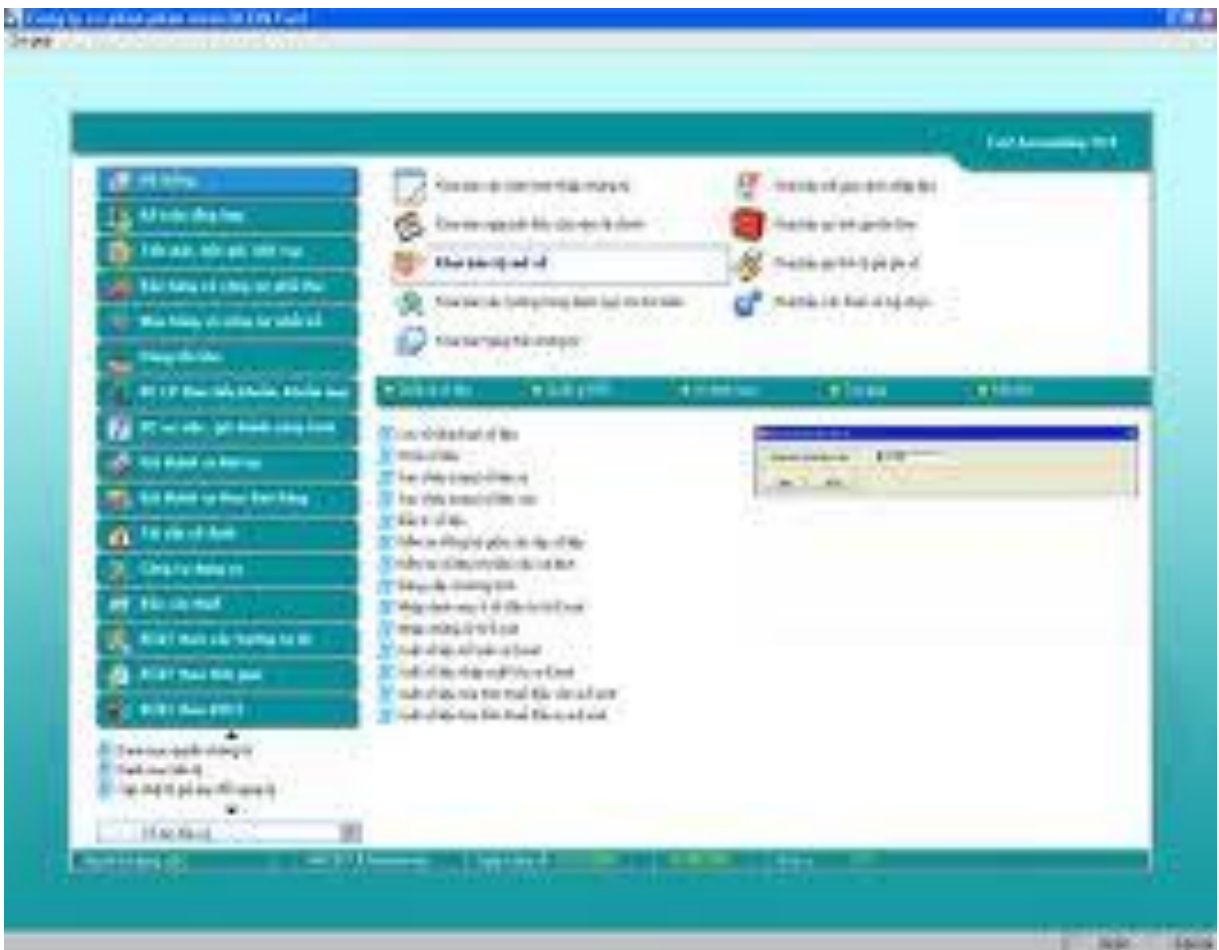
- Đưa vào trợ giúp Qui trình mẫu, Kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các qui chế nội bộ.
- Tích hợp Mã vạch 2 chiều để in Tờ khai thuế (Không phải nhập lại trên HTKK 2.5.1)
- Cho phép copy chứng từ trên tất cả các phiếu.
- Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên Phiếu.
- Quản lý số liệu theo nhiều năm làm việc, cho phép xem số liệu liên năm.
- Theo dõi nhiều đơn vị tính của hàng hoá vật tư, cho phép tự động qui đổi đơn vị tính.
- Bổ xung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý, giảm các khâu công việc chồng chéo, theo dõi được tình trạng xử lý của công việc, phản ánh chính xác tình trạng của công việc.
- Phân quyền chương trình đến từng chức năng, từng thao tác của người sử dụng.
- Hoàn thiện việc theo dõi dấu vết của người sử dụng, làm rõ trách nhiệm trong công việc.
- Cho phép khấu trừ lùi thuế, tiện ích cho người sử dụng có thể tính thuế xuôi hoặc ngược.
- Định khoản chênh lệch tỷ giá tự động.
- Cho phép tự động xử lý các nghiệp vụ phân bổ chi phí mua hàng, chi phí sản xuất theo nhiều tiêu thức quản lý, tự động xử lý các bút toán kết chuyển trong kế toán tổng hợp...
- Tham số hoá chương trình, cho phép khai báo các thông số của hệ thống một cách mềm dẻo: các hình thức ghi sổ, phương pháp tính giá vốn, các đồng tiền sử dụng trong hệ thống, v.v.
- Quản lý được nhiều loại tiền tệ với tỷ giá thay đổi hàng ngày: VND, USD, EURO, ...
- Hệ thống từ điển chung thống nhất cho toàn hệ thống: danh mục đối tượng, danh mục tài khoản, danh mục hàng hoá, vật tư ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đưa biểu tượng của một chứng từ, báo cáo nào đó mà hay sử dụng nhất ra ngoài màn hình khi mới vào chương trình.
- Có thể tính giá vốn hàng mua về theo giá ngoại tệ.
- Quản trị ngược – xuôi: Từ báo cáo tổng hợp bằng một phím có thể quay trở về báo cáo chi tiết, từ báo cáo chi tiết có thể sửa chứng từ gốc và ngược lại.
- Cập nhật thông tư, quyết định mới nhất của Bộ tài chính.
- Trợ giúp người làm kế toán một qui trình thực hiện và các kiến thức liên quan đến kế toán và thuế.

Phần mềm kế toán FAST

Giao diện phần mềm kế toán Fast:



Chức năng:

- *Fast accounting (phiên bản 10.10)* mang những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập liệu này sang màn hình nhập liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giáp diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- *Fast Business (Phiên bản 3.1)*: Được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

- *Fast Financial (Phiên bản 3.1)*: là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast accounting và Fast Business, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

KẾT LUẬN

Sau thời gian thực tập tại CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN, do được tiếp xúc thực tế với công việc em đã có cơ hội thực tiễn hoá những lý thuyết về công tác kế toán được học trên giảng đường. Điều này thực sự rất có ý nghĩa cho em sau này khi đi làm, giúp em khỏi bỡ ngỡ trong buổi đầu làm việc trong tổ chức. Em cũng đã có cái nhìn tổng quát về công tác kế toán nói chung tại các doanh nghiệp.

Trên đây là kết quả của thời gian em được thực tập, thực tế tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty, em xin trình bày trong “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân”. Tuy nhiên, do thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế không nhiều và kiến thức vẫn nằm trong khuôn khổ nhất định nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị của phòng kế toán công ty.

Sau cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Trần Thị Thanh Phương, cảm ơn các anh chị, cô bác tại phòng Kế toán Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài Khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Bích Ngọc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Giáo trình kế toán tài chính trong các Doanh nghiệp – GS.T.Đặng Thu Loan.
- 2) Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – PGS.TS.Võ Văn Nhị.
- 3) Kế toán tài chính – PGS.TS.Võ Văn Nhị.
- 4) Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS.TS.Nguyễn Văn Công.
- 5) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- 6) Khóa luận khóa 11 tại thư viện trường.
- 7) Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2011 của Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân.